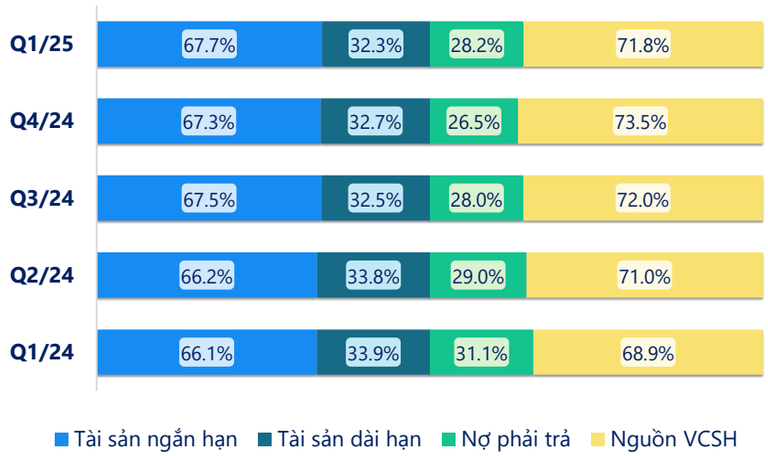
FireAnt

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	62,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,346
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	62,000
SL cổ phiếu LH	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	901,580
% sở hữu nước ngoài	23.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,028
P/E	11.2
EPS	5,601

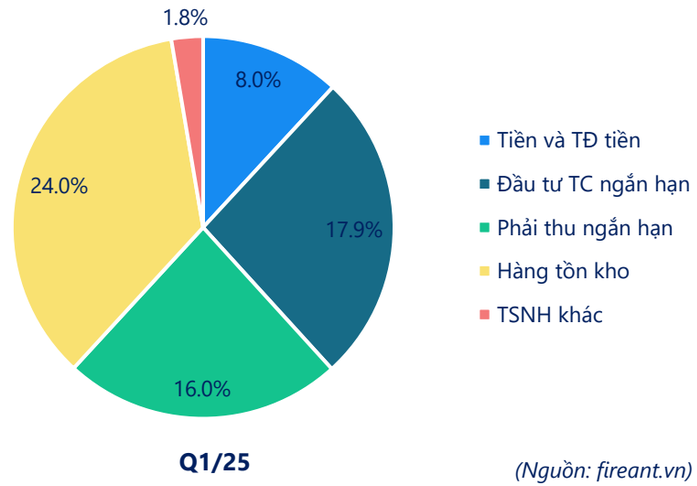
	YTD	1T	3T	6T
VHC	-12.1%	-13.3%	-14.4%	-9.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



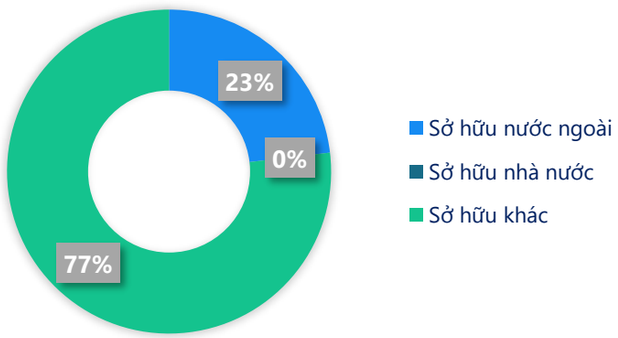
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



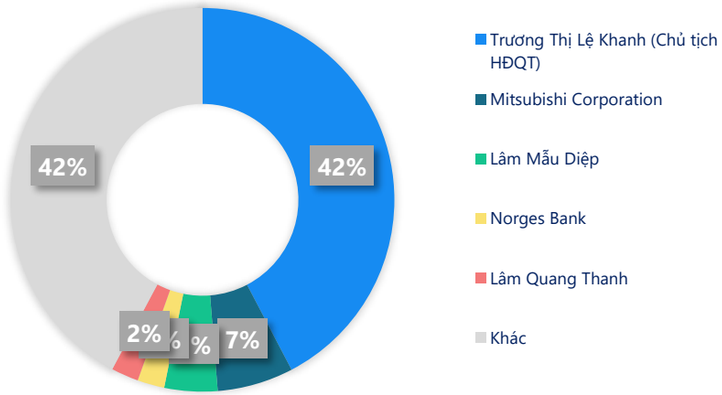
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



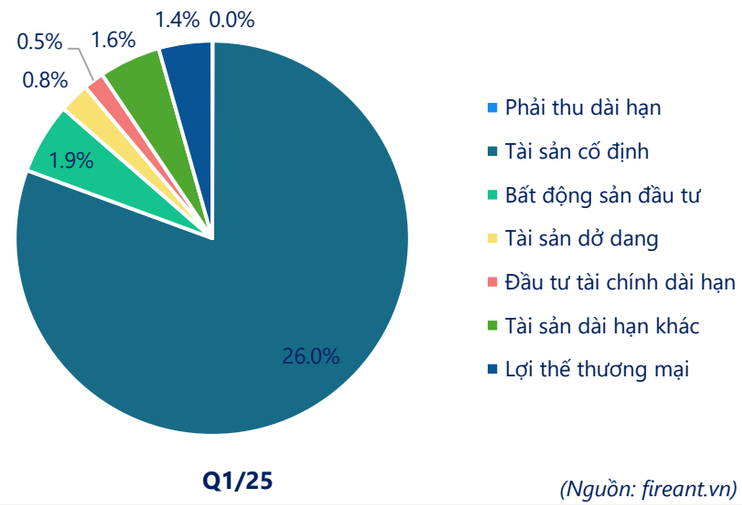
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

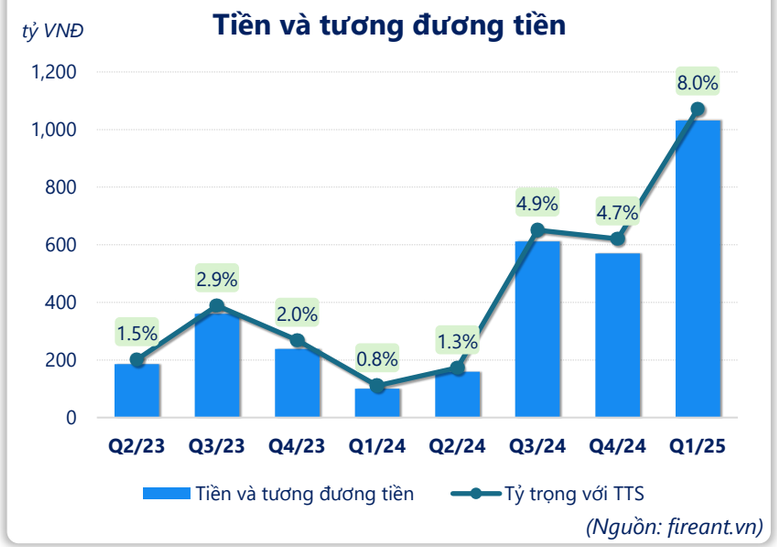


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

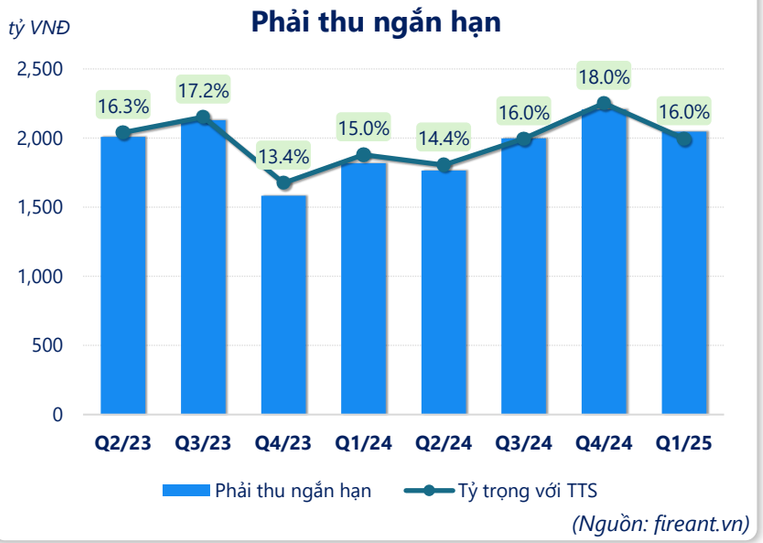
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Tiền và tương đương tiền



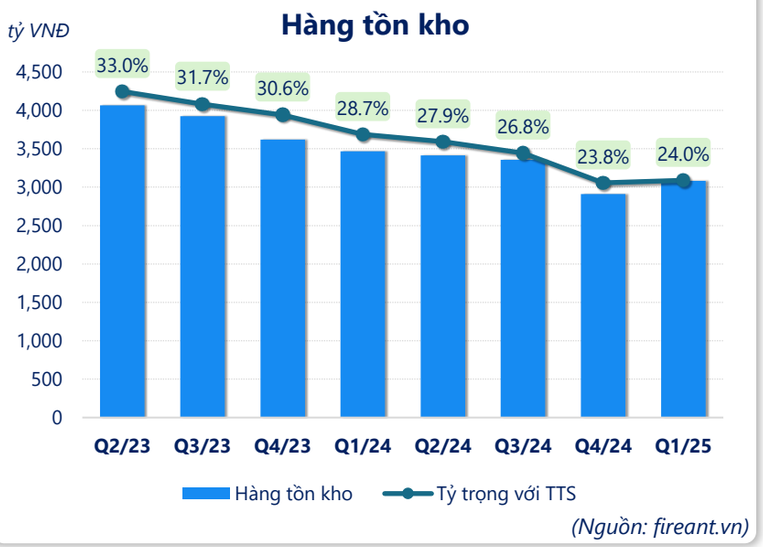
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



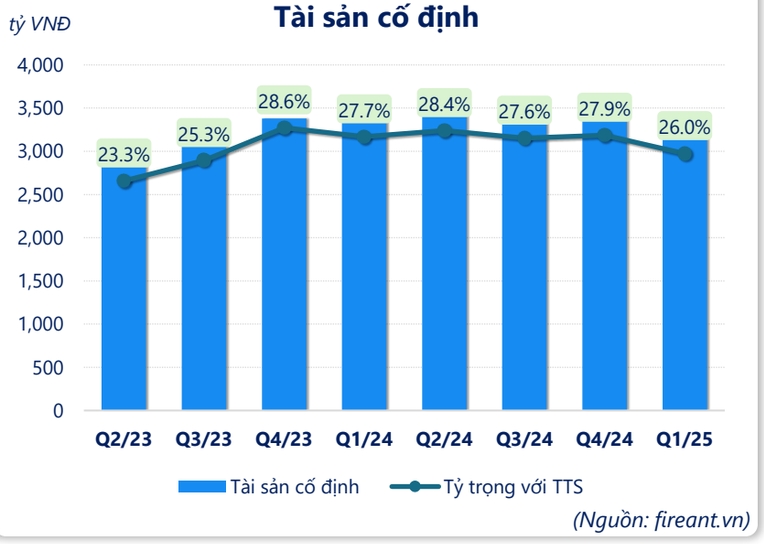
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



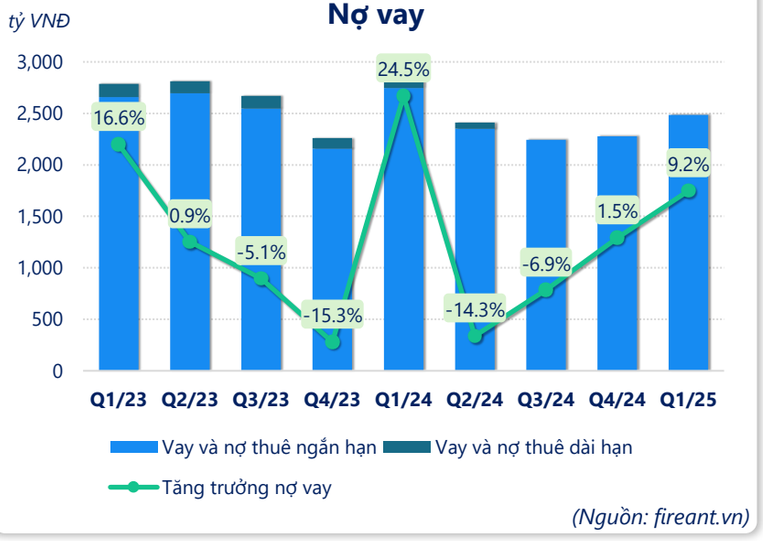
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



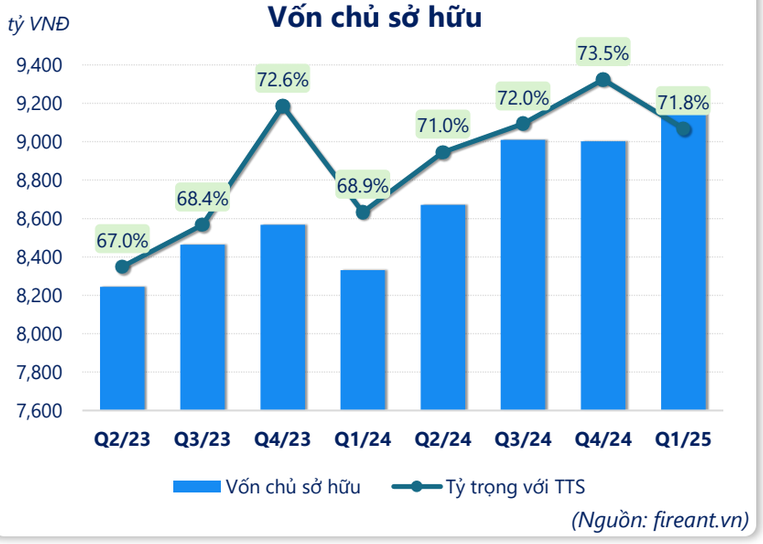
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

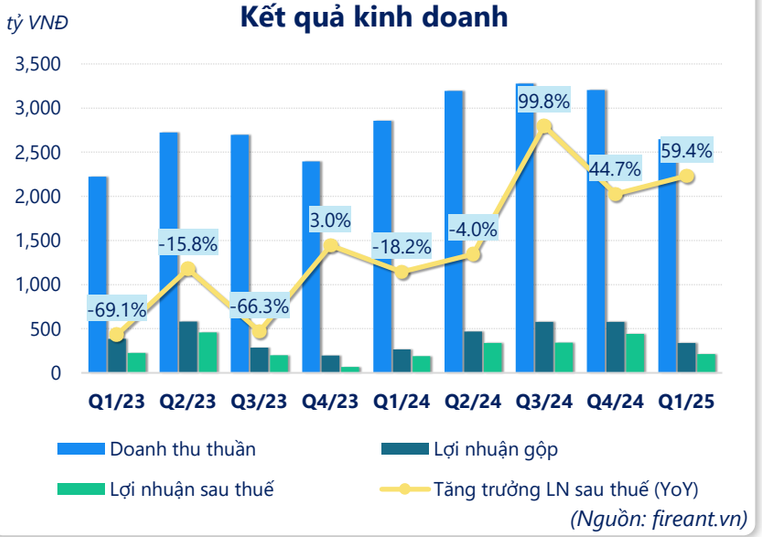


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

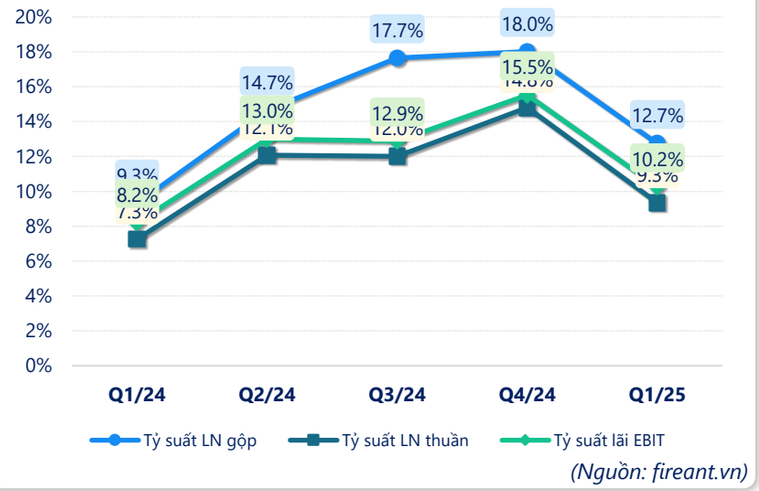
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Kết quả kinh doanh



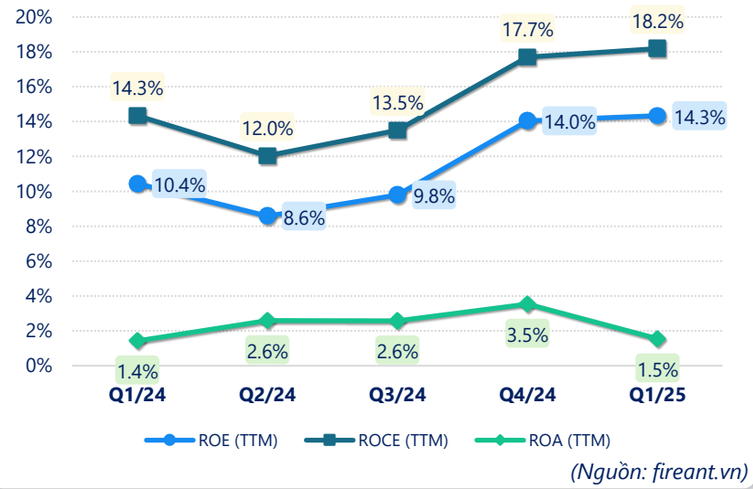
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



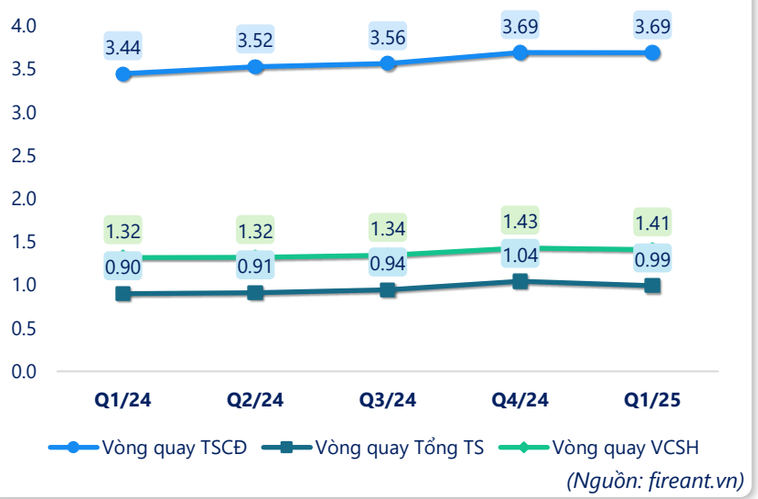
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



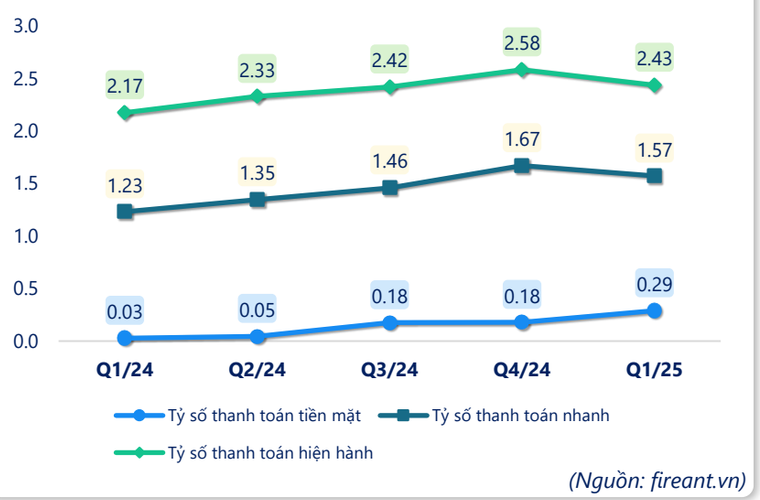
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



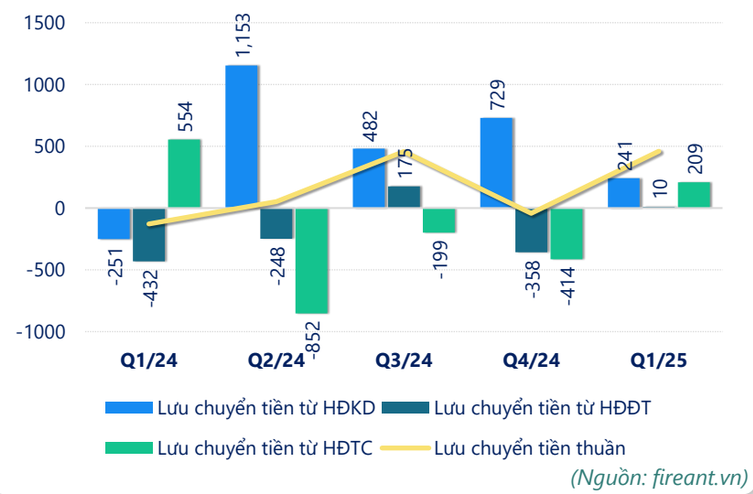
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,822**	**12,234**	**4.8%**
Tài sản ngắn hạn	8,681	8,238	5.4%
Tiền và tương đương tiền	1,031	570	80.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,290	2,340	-2.2%
Phải thu ngắn hạn	2,047	2,201	-7.0%
Hàng tồn kho	3,081	2,915	5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	232	213	9.0%
Tài sản dài hạn	**4,142**	**3,996**	**3.7%**
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	3,336	3,415	-2.3%
Bất động sản đầu tư	240	0	
Tài sản dở dang	103	109	-5.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.0	69.5	0.8%
Tài sản dài hạn khác	**209**	**210**	**-0.4%**
Lợi thế thương mại	182	190	-4.6%
Nợ phải trả	3,617	3,241	11.6%
Nợ ngắn hạn	**3,566**	**3,184**	**12.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,486	2,277	9.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	617	278	122%
Nợ dài hạn	51.7	56.9	-9.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,205**	**8,994**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**9,205**	**8,994**	**2.4%**
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	2,856	3,196	3,278	3,206	2,648
Giá vốn hàng bán	2,590	2,727	2,699	2,628	2,311
Lợi nhuận gộp	266	469	579	578	337
Doanh thu HĐTC	107	117	56.3	148	89.7
Chi phí TC	33.9	56.9	80.9	49.8	57.1
Chi phí lãi vay	17.9	17.8	20.6	17.0	17.2
LN trong công ty LKLD	0.31	0.67	0.70	0.56	0.53
Chi phí bán hàng	67.8	71.0	89.8	64.1	52.5
Chi phí QLDN	64.2	72.7	71.1	138	70.5
LN thuần từ HĐKD	207	386	394	474	247
Lợi nhuận khác	9.36	11.8	7.78	6.10	6.77
LN trước thuế	217	398	402	481	254
Lợi nhuận sau thuế	189	340	341	441	211
LNST của CĐ cty mẹ	170	318	321	425	193

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-251	1,153	482	729	241
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-432	-248	175	-358	10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	554	-852	-199	-414	209
Tiền đầu kỳ	233	100	159	612	570
Lưu chuyển tiền thuần	**-129**	**52.5**	**457**	**-42.9**	**460**
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.64	5.77	-3.95	1.11	0.66
Tiền cuối kỳ	100	159	612	570	1,031

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic